TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Yến
2. Ông Phạm Văn Úy

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn *tham gia phiên tòa*: không

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Minh T - Sinh năm: 1952
Địa chỉ: Thôn Triệu Thành, xã Nga B, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị C - Sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn Đồng Đội, xã Nga Ph (xã Nga L cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/12/2019 và bản tự khai, nguyên đơn ông Dương Minh T trình bày: ông và bà C kết hôn với nhau vào ngày 10/8/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga L cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung thường xảy ra bất đồng. Từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ông T không muốn cuộc sống chung vợ chồng tiếp tục duy trì, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà C theo quy định; Về con: Vợ chồng không có con chung nên ông không có đề nghị;Về tài sản: vợ chồng không có tài sản gì chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trịnh Thị C trình bày: Bà thống nhất về ngày tháng kết hôn, cơ sở kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không chịu làm ăn, thường rượu

chè, cải cọ nhau. Ông T đề nghị ly hôn bà không đồng ý bởi nếu ly hôn bà không có nơi để sinh sống. Về con và tài sản: bà thống nhất như lời trình bày của ông T.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không thống nhất được yêu cầu về hôn nhân. Vì vậy,Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn bà C theo quy định của pháp luật; về con và tài sản ông không có yêu cầu giải quyết. Đối với bị đơn bà C vẫn đề nghị được đoàn tụ. Về con và tài sản: bà thống nhất như ý kiến ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông Dương Minh T và bà Trịnh Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.Theo các đương sự trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông T đề nghị ly hôn, bà C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng bà không đồng ý ly hôn.Xét thấy cuộc sống chung của ông T, bà C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông T cho ông Dương Minh T ly hôn bà Trịnh Thị C là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con và tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Ông Dương Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của ông Dương Minh T cho ông T được ly hôn bà Trịnh Thị C.

2. Về án phí: Ông Dương Minh T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã

nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0010615 ngày 10/12/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, ông Tâm đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Ph (xã Nga L cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ